TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
_____	_____

Bản án số:450/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2019
V/v "Ly hôn giữa bà P. và ông K."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Sơn

2. Bà Phan Thị Minh Lý

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Nguyên - Cán bộ Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 228/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2019/QĐXX-ST ngày 06/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P., sinh năm 1973; (có mặt)

Bò ñôn: Ông Lư Hớn K., sinh năm 1968 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 177/24 đường V, Phường 8, Quận D, TPHCM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nộp ngày 25/3/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P. trình bày: Bà và ông K. tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, có đăng ký kết hôn (giaáy chöùng nhaän keát hoân soá 51, quyển số 01/93, ngaøy 27/11/1993 do UBND Phường 8, Quận 6 cấp), có hai con chung tên Lư Hớn H., sinh ngày 06/12/1994 và Lư Tường V., sinh ngày 25/7/2000.

Theo bà P. trình bày vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 nguyên nhân do tính cách hai bên không phù hợp dẫn đến thường xuyên cãi vã. Ông K. sống không chung thủy, có mối quan hệ bên ngoài rồi về nhà yêu cầu bà phải cho người phụ nữ đó về nhà sống chung, bà không đồng ý từ đó ông tỏ thái độ thô lỗ, cư xử hằn học với vợ con. Kinh tế gia đình chỉ có bà lo, thực tế hai bên vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân 3-4 năm nay.

Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, bà xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với ông Lư Hớn K..

Về con chung: Hai con đã trưởng thành

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P. xác định hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn ông Lư Hớn K. trình bày: Trong quá trình chung sống với bà P. không có hạnh phúc, bà P. nói làm ăn thua lỗ nợ nần gần 200.000.000 đồng nhưng không cho biết nợ của ai, tại sao bị nợ. Còn chuyện có người thứ ba đó là quan hệ bên ngoài của ông, ông không có niềm vui bên vợ thì ông có quyền tìm niềm vui bên ngoài, bà P. không có quyền phê phán ông. Ông xác định hiện nay không còn tình cảm với bà P. nhưng ông không đồng ý ly hôn, lý do bà P. không đồng ý giao cho ông 2.000.000.000 đồng, khi nào bà P. giao đủ cho ông số tiền đó thì ông sẽ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hai con đã trưởng thành

Về tài sản chung và nợ chung: Ông K. xác định hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng ông trình bày thêm bà P. phải giao đủ cho ông 2.000.000.000 đồng, lúc đó ông mới đồng ý ly hôn và sẽ dọn đi, giao căn nhà số 177/24 đường V, Phường 8, Quận D, TPHCM cho mẹ con bà P. sở hữu. Trường hợp nếu bán nhà giá thấp hơn 4.000.000.000 đồng thì bà P. cũng phải đưa cho ông 2.000.000.000 đồng, ông không đồng ý giao cho bà P. 2.000.000.000 đồng để bà P. dọn ra khỏi nhà và giao quyền sở hữu lại cho ông, vì ông không có tiền, nếu giao tiền cho bà P. ra khỏi nhà thì ông chỉ giao cho bà P. 1.000.000.000 đồng với điều kiện bà P. phải giao giấy tờ nhà để ông đi thế chấp vay tiền. Ông khẳng định không tranh chấp tài sản chung, chỉ nêu ý kiến như vậy.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P. vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Bị đơn ông Lư Hớn K. vẫn giữ nguyên ý kiến chỉ đồng ý ly hôn nếu bà P. giao cho ông 2.000.000.000 đồng. Hai bên không tranh chấp về tài sản chung

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đúng thẩm quyền xét xử, việc tống đạt các thông báo, giấy triệu tập, quyết định… của Tòa cho các đương sự hợp lệ, đúng với quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn, đúng địa điểm, thành phần, đảm bảo thời gian luật quy định, thành phần những người tiến hành tố tụng không thuộc trường hợp phải thay đổi. Xét thấy, theo lời trình bày của bà P. thì ông K. ngoài việc sống không chung thủy về nhà có hành vi bạo hành về tinh thần cũng như sức khỏe của cả gia đình, chứng tỏ mâu thuẫn vợ

chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Kim P. được ly hôn với ông Lư Hớn K., con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: hai bên xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim P. thực hiện đúng quy định tại các Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P. đối với bị đơn ông Lư Hớn K. có nơi cư trú tại Quận 6 nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim P. và ông Lư Hớn K. phát sinh từ năm 1993 có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P. trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016 do không còn hòa hợp nhau về mọi mặt, ông K. sống không có trách nhiệm với gia đình, sống không chung thủy, có mối quan hệ bên ngoài rồi về nhà yêu cầu bà phải cho người phụ nữ đó về nhà sống chung, bà không đồng ý nên ông có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế, không có niềm tin dành cho nhau nên thường xảy ra gây cãi, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay bà xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Lư Hớn K..

Phía bị đơn ông Lư Hớn K. trình bày, ông thừa nhận việc sống không chung thủy là có thật nhưng ông cho rằng đó quan hệ riêng bên ngoài của ông, không gây ảnh hưởng đến gia đình, bà P. không trung thực trong cuộc sống gia đình, cho rằng bị nợ nần do làm ăn thua lỗ nhưng không cho ông biết nợ của ai. Ông xác định không còn tình cảm với bà P. nhưng ông không đồng ý ly hôn, khi nào bà P. giao cho ông số tiền 2.000.000.000 đồng ông sẽ đồng ý ly hôn và dọn ra khỏi nhà, giao căn nhà số 177/24 Văn Thân, P8,Q6 cho mẹ con bà P. sở hữu.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình..." nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn thì giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai đã không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau vun đắp cho cuộc sống gia đình, ngoài ra ông K. thừa nhận sống không chung thủy với vợ, về nhà còn có hành vi bạo lực với phụ nữ. Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã

nhiều lần tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng bà P., ông K.

hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ, tuy nhiên, ông K. không thể hiện được mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng xây dựng gia đình hạnh phúc mà chỉ thể hiện ý chí cá nhân muốn được chia tài sản chung là 2.000.000.000 đồng nếu bà P. yêu cầu ly hôn, trường hợp bà P. không đồng ý giao cho ông 2.000.000.000 đồng thì ông không đồng ý ly hôn. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

[5]. Về con chung: hai con đã trưởng thành

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có tranh chấp, tự thỏa thuận, mặc dù tại phiên tòa ông K. có trình bày bà P. phải giao 2.000.000.000 đồng cho ông thì ông mới đồng ý ly hôn và giao lại căn nhà số 177/24 Văn Thân, P8, Q6 cho bà P. sở hữu, nhưng ông khẳng định ông không tranh chấp cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim P. là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, 51, 53, 56, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim P. và ông Lư Hớn K..

(Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01/93, ngaøy 27/11/1993 do UBND Phường 8, Quận D cấp không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Đã trưởng thành

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có tranh chấp, tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

4. Án phí dân sự sơ thẩm: là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Kim P. phải chịu; nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011014 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Kim P. đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.6;
- CCTHADS Q.6;
- UBND xã Phú Hữu;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thu